



BIẾN ĐỔI XÃ HỘI Ở VIỆT NAM QUA HƠN 20 NĂM ĐỔI MỚI

GS.TS Hoàng Chí Bảo *

1. Dẫn luận

Tính đến thời điểm hiện nay (2008), Đổi mới ở Việt Nam đã trải qua hơn 20 năm, tức là hơn 1/5 thế kỷ. Trong khoảng thời gian đó, ở Việt Nam đã diễn ra rất nhiều biến đổi trên các lĩnh vực của đời sống. Trong những biến đổi đó, có *biến đổi xã hội*, tức là *biến đổi về mặt xã hội, phương diện xã hội của xã hội tổng thể*. Có thể nói, đã đủ thời gian cho việc tổng kết, đánh giá những biến đổi này. Nó cần thiết chẳng những cho nhận thức mà còn cho việc hoạch định đường lối của Đảng, xây dựng và điều chỉnh chính sách, luật pháp, cơ chế quản lý của Nhà nước, hướng tới phát triển và theo đuổi các mục tiêu phát triển bền vững.

Nghiên cứu biến đổi xã hội ở Việt Nam qua hơn 20 năm Đổi mới là nghiên cứu những biến đổi ở thời kỳ đương đại, nó *đã và đang* diễn ra, nó *sẽ còn tiếp tục diễn ra* cùng với tiến trình đổi mới. Biến đổi xã hội ở Việt Nam, một mặt là hệ quả trực tiếp của đổi mới xã hội nói chung, trong tổng thể, chỉnh thể của nó, nhất là từ đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, cùng với những tác động vừa trực tiếp vừa sâu xa của những đổi mới, những biến đổi về văn hoá, về môi trường và hoàn cảnh xã hội. Và điều này cũng không kém phần quan trọng, những biến đổi xã hội đã tác động trở lại đối với những biến đổi kinh tế, chính trị và văn hoá. Tác nhân xã hội là điều không thể không tính đến trong sự nhận diện, phân tích và đánh giá về đổi mới, phát triển và tiến bộ xã hội ở Việt Nam nói chung. Mặt khác, Đổi mới ở Việt Nam còn gắn liền với mở cửa và hội nhập quốc tế. Đây chẳng những là sự thay đổi căn bản về tư duy, nhận thức đối với phát triển mà còn thay đổi cả về cách thức và mô hình phát triển của Việt Nam trong bối cảnh mới của thế giới toàn cầu.

* Hội đồng Lý luận Trung ương.

Thế giới mà tất cả chúng ta đang sống và đang hoạt động ở trong đó là một thế giới đang diễn ra những biến đổi vô cùng nhanh chóng, phức tạp, với không ít những đảo lộn, những đột biến thật khó lường. Trong thế giới ấy, sự tồn tại và phát triển của các nước, các quốc gia - dân tộc ở trong thế *phụ thuộc* và *tùy thuộc* lẫn nhau. Đó thực sự là một thế giới thống nhất trong những khác biệt, thống nhất bao hàm cả những mâu thuẫn và xung đột. Bởi thế, ổn định sống đôi cùng những bất định, hợp tác đi liền với cạnh tranh, đồng thuận sẽ lớn lên mà đấu tranh cũng gia tăng, thậm chí có những thời điểm trở nên gay gắt và quyết liệt. Đó cũng là một thế giới phát triển trong đa dạng, *phát triển luôn là một quá trình phức tạp, thời cơ lớn để phát triển đan xen cùng những thách thức nghiệt ngã trên con đường phát triển.*

Phát triển và hiện đại hoá thông qua đổi mới, cải cách, mở cửa và hội nhập, đó là một cơ hội, một khả năng to lớn luôn mở ra những triển vọng tích cực. Nó cũng đồng thời phải đối mặt với những cạm bẫy và nguy cơ rơi vào những tình huống xấu của phản phát triển, phản văn hoá một cách tồi tệ. Thành hay bại trong việc xử lý mối quan hệ phức tạp này tùy thuộc vào *tâm nhìn* và *hành động* của các nhà nước, các chính phủ khi giải quyết các vấn đề phát triển ở trong nước, không tách rời sự chế ước và tính quy định của quốc tế, khu vực và thế giới toàn cầu. Với đổi mới, ngay trong những năm đầu tiên khởi động sự nghiệp này, Việt Nam mong muốn là bạn của tất cả các nước. Việt Nam thực hiện mở rộng hợp tác song phương và đa phương, cùng tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, cùng có lợi, cùng nhau phấn đấu cho hoà bình, hữu nghị, hợp tác, ổn định và phát triển. Việt Nam chủ động mở rộng các quan hệ bạn bè, đối tác, hội nhập ngày càng sâu vào đời sống quốc tế, không để những khác biệt về ý thức hệ và chế độ chính trị cản trở hợp tác và phát triển.

Khai thác và phát huy cả nội lực và ngoại lực vì phát triển, Việt Nam đồng thời nỗ lực thực hiện các nghĩa vụ và các cam kết quốc tế, với tư cách là một thành viên của cộng đồng thế giới nhân loại.

Đó là tinh thần cơ bản của thông điệp đổi mới và phát triển mà Việt Nam gửi tới các bạn bè đối tác, ở đó hàm chứa một nhận thức rằng, trong thế giới ngày nay, sự phát triển đơn tuyến (theo tiêu chí ý thức hệ và thể chế chính trị như kiểu mô hình Xô viết trước đây) là *không thực tế và thiếu tính triển vọng*. Phát triển trong trạng thái khép kín, tự biến mình thành một ốc đảo, biệt lập với thế giới bên ngoài là điều *không thể*. Trong "một thế giới phẳng", đã hình thành và trong "một xã hội mở" như một đặc tính, một thuộc tính tự nhiên, tất yếu và phổ biến⁽¹⁾, phát triển chỉ có thể thực hiện được bằng cách mở cửa ra bên ngoài, hội nhập với thế giới, thường xuyên đổi mới và không ngừng tìm kiếm bạn bè, mở rộng đoàn kết và hợp tác trong tiếp xúc - giao lưu - đối thoại văn hoá. Hội nhập để *cùng* phát triển, tiếp biến để phát triển trong hội nhập, nhờ đó mà thực hiện *tự* phát triển với nghĩa là tự khẳng định mình trong phát triển. Nhà văn hoá lớn của Ấn Độ và của thế giới –

Nê-ru, trong một diễn văn về văn hoá tại diễn đàn Liên hợp quốc, hai mươi năm về trước đã từng nói, văn hoá là một khả năng nỗ lực hiểu biết người khác và nỗ lực làm cho người khác hiểu mình. Triết lý ấy thật là sâu sắc. Đổi mới của Việt Nam càng thấm nhuần triết lý ấy; nó có lực đẩy từ sức mạnh của giải phóng, hướng vào giải phóng sức sản xuất và giải phóng tinh thần, ý thức xã hội để giải phóng và phát huy mọi tiềm năng của xã hội. Đổi mới còn được nuôi dưỡng từ mọi mạch nguồn sáng tạo, làm hiển lộ để phát huy và quy tụ mọi khả năng sáng tạo, từ sáng tạo của nhà lãnh đạo, các chính khách, các trí thức, học giả, chuyên gia đến sáng tạo và sáng kiến của mọi người dân, ở khắp mọi vùng, miền đất nước, ở trong nước cũng như ở nước ngoài... Đó là nguồn trữ năng của xã hội, nguồn vốn xã hội giúp ích cho công cuộc chấn hưng dân tộc, phát triển đất nước để phát triển cá nhân và cộng đồng, vì tự do và hạnh phúc của con người.

Biến đổi xã hội cũng như biến đổi các lĩnh vực khác của đời sống ở Việt Nam được nhìn nhận từ tầm vóc và ý nghĩa như thế của đổi mới, của phát triển, của mở cửa và hội nhập quốc tế.

Vậy biến đổi xã hội ở Việt Nam qua hơn 20 năm Đổi mới là biến đổi *cái gì?* Ở đây, cần phải nhận diện những vấn đề xã hội của biến đổi. Chúng biến đổi *như thế nào?* nghĩa là phải mô tả những biến đổi đó để đánh giá tính chất biến đổi của chúng, trong những biến đổi ấy có cả mặt tích cực và hợp lý, đồng thời có cả mặt tiêu cực, những hệ lụy của phát triển cần phải khắc phục. Cũng cần phải thấy những nhân tố nào tham dự vào việc tạo ra tính hai mặt của những biến đổi này, tức là cắt nghĩa những nguyên nhân của nó. Những biến đổi xã hội sẽ còn diễn ra với những xu hướng và động thái nào cần được dự báo? Đây là vấn đề đặt ra cần thiết cho quản lý các vấn đề biến đổi và phát triển xã hội. Cuối cùng, nghiên cứu biến đổi xã hội để đem lại những cứ liệu xã hội thực tiễn được tổng kết và khái quát thành lý luận làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp quản lý, đặc biệt là những bổ sung hoặc điều chỉnh chính sách xã hội, hệ thống chính sách an sinh xã hội trong thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đẩy mạnh hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Rõ ràng, nghiên cứu biến đổi xã hội ở Việt Nam trong hơn 20 năm Đổi mới đã qua và hiện nay có thể từ cách nhìn triết học xã hội về xã hội và con người mà góp phần vào việc lý giải phát triển xã hội và quản lý sự phát triển xã hội. Phương diện này trong lý luận đổi mới ở Việt Nam còn ít được nghiên cứu, tổng kết cũng như dự báo.

Do đó, biến đổi xã hội *có thể* và *cần phải* được nghiên cứu như một đối tượng đặc thù, một phân hệ hợp thành hệ thống đối tượng và khách thể của khoa học quản lý phát triển xã hội. Đó là khoa học về phát triển, khoa học lãnh đạo và khoa học quản lý phát triển xã hội với *hạt nhân của nó là lý luận đổi mới, lý luận phát triển và hiện đại hoá*. Các khoa học này đang dần hình thành và từng bước định hình ở

Việt Nam, từng bước chuẩn bị cho sự chín muồi *khoa học về chủ thuyết phát triển Việt Nam với sự kết hợp hữu cơ phát triển học và đổi mới học*.

Đây sẽ là những môn khoa học chẳng những rất cần thiết mà còn rất có triển vọng trong hội nhập quốc tế của Việt Nam. Có thể nói, cùng với Hồ Chí Minh học, các khoa học nêu trên sẽ góp phần làm phong phú và sâu sắc hơn Việt Nam học hiện đại và đương đại.

Nghiên cứu biến đổi xã hội với tư cách là nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn đổi mới ở Việt Nam hơn 20 năm qua sẽ góp một tiếng nói, một lời bình, tuy khiêm tốn nhưng cần thiết để hiểu thêm đất nước, con người, dân tộc và xã hội Việt Nam vừa với tính hiện thực vừa với tính triển vọng của nó trong phát triển.

2. Nhận diện những biến xã hội ở Việt Nam qua hơn 20 năm Đổi mới - những nhận thức lý luận

Phương diện hay chiều cạnh xã hội của những biến đổi ở Việt Nam qua hơn 20 năm đổi mới là *một tập hợp lớn*, bao gồm vô số nhiều những vấn đề liên quan tới đời sống của con người và xã hội, của cá nhân và cộng đồng.

Đó chính là *một tập hợp các vấn đề xã hội của tồn tại và phát triển của con người và xã hội*.

Dù đã khu biệt, giới hạn biến đổi xã hội theo *nghĩa hẹp* của phạm trù "xã hội" như vậy mà vấn đề vẫn *rất rộng lớn và phức tạp*.

Có những căn cứ để giải thích quy mô rộng lớn và tính chất phức tạp của những biến đổi xã hội, cũng đồng thời là phát triển xã hội ở Việt Nam thời đổi mới, mở cửa và hội nhập, với các tác nhân quan trọng nổi bật là kinh tế thị trường, dân chủ hoá, xây dựng nhà nước pháp quyền, tổ chức đời sống xã hội dân sự, xây dựng xã hội dân chủ, trên một đường hướng chiến lược là *ổn định - đoàn kết - hợp tác - đồng thuận để phát triển dân tộc và hiện đại hoá xã hội Việt Nam*.

Sự tác động của những nhân tố nêu trên cũng đồng thời là những nội dung và nhiệm vụ xây dựng đất nước, xã hội và con người Việt Nam trong toàn bộ tiến trình đổi mới, mà hơn 20 năm qua mới chỉ là một chặng đầu. Hệ mục tiêu của đổi mới là định hướng cho việc giải quyết các nhiệm vụ đó, cũng là chỗ đi đến, là tính hướng đích phát triển của Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Hệ mục tiêu này trùng hợp với những tiêu chí và điều kiện đảm bảo phát triển, những giá trị phát triển theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Người ghi trong *Di chúc* điều mong muốn cuối cùng của Người là, xây dựng thành công một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Người theo đuổi nhất quán một hệ giá trị của phát triển vì con người, cho con người, cả nghĩa hẹp và nghĩa rộng, cả nghĩa rộng nhất. Đó là: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. Thụ hưởng và làm

chủ những giá trị ấy là mỗi người, mỗi nhà, mỗi nước cho đến cả loài người. Các vấn đề xã hội xem ra đều liên quan tới tất cả những nội dung của cuộc sống, của hoạt động sống, trước hết là lao động và sản xuất, của tổ chức quản lý, của đấu tranh để tạo dựng và gìn giữ chế độ. Rộng lớn và phức tạp là bởi thế, từ biến đổi đến phát triển, từ biến đổi, phát triển ở trong nước đến biến đổi và phát triển của thế giới với những tác động phổ biến của toàn cầu hoá, của cách mạng khoa học - công nghệ, sự hình thành xã hội thông tin và kinh tế tri thức, khi trật tự thế giới đã thay đổi.

Biến đổi xã hội là rộng lớn và phức tạp còn bởi chỗ, đó không chỉ là những biến đổi do tác nhân kinh tế gây ra mà còn chịu tác động rất mạnh mẽ từ chính trị và những biến đổi của thể chế chính trị lẫn môi trường xã hội. Như đã nói, biến đổi xã hội còn chịu ảnh hưởng từ văn hoá và hoàn cảnh lịch sử - xã hội, trong đó con người sinh sống. Hơn nữa, phương diện xã hội cấu thành xã hội tổng thể và đời sống xã hội hiện thực của cá nhân và cộng đồng là sự đan kết cả hoạt động sống lẫn cơ cấu tổ chức với các thiết chế và thể chế, tác động tới hoạt động sống của con người; đó là cả một mạng lưới các mối quan hệ và liên hệ xã hội, thông qua đó những biến đổi xã hội diễn ra cùng với những biến đổi của các lĩnh vực khác như kinh tế, chính trị và văn hoá. Đó là chưa nói đến những khía cạnh xã hội, những hệ quả xã hội có trong những biến đổi của kinh tế, chính trị hay văn hoá. Rõ nhất là tác động của chính sách tới hoạt động và cuộc sống của người dân, của những nhóm xã hội - dân cư, nhóm xã hội - nghề nghiệp khác nhau, ở các cấp độ, phạm vi khác nhau (cả nước, vùng, miền, địa phương và cơ sở).

Nhận diện những biến đổi xã hội, ngoài việc xem xét quy mô rộng lớn và tính phức tạp của những biến đổi đó, gắn liền với những nhân tố tác động tới biến đổi xã hội, cần phải xác định cụ thể nội dung của những biến đổi này.

Ở đây, cả một tập hợp hay hệ thống lĩnh vực xã hội - các vấn đề xã hội - các chính sách xã hội và hệ thống an sinh xã hội gắn liền mật thiết với nhau, có quan hệ với những biến đổi xã hội. Trong tập hợp và hệ thống này, có thể nhận thấy: *Cái biến đổi* là lĩnh vực xã hội, tức là *cái xã hội* trong tương tác biện chứng với cái kinh tế. *Biểu hiện trực tiếp của biến đổi xã hội*, trước hết là *những vấn đề xã hội đặt ra một cách trực tiếp* trong đời sống hàng ngày, gắn với những nhu cầu và lợi ích của con người (cá nhân, nhóm, giới, lứa tuổi, thế hệ, cộng đồng...) hoặc là *những hệ quả xã hội phát sinh* từ những tác động, vận động của kinh tế, của chính trị.

Công cụ, phương thức tác động tới biến đổi xã hội là thể chế, thiết chế, chính sách gắn với chủ thể quản lý là nhà nước.

Đối tượng tiếp nhận biến đổi, hoặc được thụ hưởng lợi ích từ những biến đổi tích cực hoặc phải chịu những thiệt hại từ những biến đổi tiêu cực là con người và cuộc sống của họ, là xã hội và cộng đồng xã hội. Song con người, thông qua hoạt động, cùng với thể chế và thiết chế ràng buộc, lại chính là *chủ thể* tạo ra biến đổi,

đồng thời, một cách tất yếu, lại tiếp nhận chính những biến đổi do mình tạo ra, kể cả những biến đổi của môi trường. Xem xét những biến đổi xã hội từ phương diện *con người - hoạt động và chính sách* là xem xét sự vận động, tác động qua lại giữa chủ thể - đối tượng và đối tượng - chủ thể.

Để có cơ sở xem xét những biến đổi xã hội, từ sự phân tích trên đây, có thể khái quát như sau:

Mặt xã hội là một tập hợp lớn, một hệ thống các vấn đề xã hội trong phát triển, liên quan trực tiếp tới đời sống của con người như lao động và việc làm, mức sống, tình trạng đói nghèo, dân số, sức khoẻ và y tế cộng đồng, nhà ở, giáo dục, vệ sinh môi trường, an ninh giao thông, văn hoá tinh thần... nói tóm lại là tất cả những vấn đề của đời sống cá nhân và cộng đồng, có *tính chất và hệ quả* xã hội mà xã hội và nhà nước phải giải quyết bằng chính sách. Đó là hệ thống chính sách xã hội và hệ thống chính sách an sinh xã hội⁽²⁾.

Báo cáo của Chính phủ Việt Nam về phát triển xã hội tại Hội nghị thượng đỉnh các quốc gia bàn về phát triển xã hội tại Copenhagen (Đan Mạch) từ ngày 6 đến ngày 12/3/1995 đã đề cập tới 10 vấn đề xã hội trong phát triển, đó là: 1) giải quyết việc làm (một vấn đề tổng hợp kinh tế - xã hội); 2) xoá đói giảm nghèo; 3) hoà nhập xã hội (chú trọng vào các nhóm xã hội quan trọng bị thua thiệt trong phát triển, dễ bị tổn thương); 4) gia đình (tăng cường vai trò của gia đình như một thiết chế xã hội điển hình); 5) phát triển giáo dục; 6) dân số, kế hoạch hoá gia đình; 7) chăm sóc sức khoẻ cộng đồng; 8) bảo trợ xã hội (bảo hiểm xã hội và trợ giúp xã hội); 9) môi trường; 10) hạn chế và ngăn ngừa các hành vi phạm tội: ma tuý, mại dâm, buôn lậu, tham nhũng, làm giàu bất chính.

Xác định 10 vấn đề xã hội đó thể hiện một cái nhìn toàn diện, làm cơ sở xây dựng hệ thống chính sách phát triển.

Thực tiễn Đổi mới ở Việt Nam, gắn liền với hoàn cảnh lịch sử đặc thù, còn cho thấy 10 vấn đề khác cần phải quan tâm giải quyết trong tầm nhìn quản lý và hoạch định chính sách. Đó là: 1) giải quyết hậu quả xã hội của chiến tranh; 2) sự di chuyển dân cư từ nông thôn ra đô thị và hiện tượng nhân khẩu thường trú ở nông thôn, làm việc tại các khu công nghiệp; 3) người Việt Nam kết hôn với người nước ngoài; 4) người nước ngoài làm ăn sinh sống tại Việt Nam; 5) nhà ở và giải quyết nhà ở cho người nghèo; 6) giao thông đô thị và trật tự an toàn giao thông; 7) an toàn lương thực thực phẩm trong một nền nông nghiệp bản (do ô nhiễm môi trường, do sử dụng các hoá chất kích thích sinh trưởng ở thực vật, động vật); 8) mê tín dị đoan - một biến thái tiêu cực của đời sống tâm linh; 9) các bệnh xã hội trong xã hội công nghiệp và trong điều kiện kinh tế thị trường; 10) hiện tượng lệch lạc về cơ cấu xã hội, kèm theo những biến đổi của phân tầng xã hội... và nhiều vấn đề khác⁽³⁾. Xem xét biến đổi xã hội cần phải làm rõ những biến đổi từ những vấn đề đó. Tuy nhiên, để làm nổi bật những vấn đề xã hội cốt yếu nhất trong phát

triển, nhằm giải quyết những vấn đề vừa bức xúc trước mắt vừa cơ bản lâu dài, liên quan tới hoạch định và thực thi các chính sách xã hội trong phát triển, có thể tập trung vào những vấn đề sau đây trong vô số nhiều các vấn đề thuộc lĩnh vực xã hội. Những vấn đề đó là: Cơ cấu xã hội, các thiết chế xã hội, các nhu cầu của đời sống con người trong xã hội và các quan hệ xã hội của con người⁽⁴⁾.

Mỗi vấn đề đó thực chất là mỗi *nhóm vấn đề*, đều có liên quan tới việc làm, đời sống và mức sống, tổ chức đời sống, điều kiện và môi trường phát triển, từ đó diễn ra những thay đổi về mặt xã hội trong phát triển con người và các quan hệ xã hội, có thể được xem xét, đánh giá bằng phương pháp phân tích định tính và định lượng.

Mặt khác, tính xác định lịch sử - cụ thể của những biến đổi xã hội nêu trên ở Việt Nam lại diễn ra trong bối cảnh và thực tiễn đổi mới và hội nhập quốc tế, đặc biệt là có tác động đồng thời của *kinh tế thị trường* (kinh tế) và *dân chủ hoá đời sống* (chính trị) lên tâm lý, ý thức, lối sống của con người, lên các chủ thể lãnh đạo và quản lý (các quyết sách phát triển ở tầm cương lĩnh, đường lối, chiến lược, ban hành chính sách và chế định luật pháp). Do đó, phân tích và đánh giá biến đổi xã hội cần phải làm rõ những *khái quát* phổ biến, những căn nguyên quy định sự biến đổi và những sắc thái *cụ thể*, những nghiên cứu trường hợp tiêu biểu, những hệ quả phái sinh. Một trong những căn cứ phương pháp luận chủ đạo trong nghiên cứu biến đổi xã hội là quan hệ nhân - quả giữa biến đổi kinh tế và biến đổi xã hội, giữa biến đổi chính trị và biến đổi xã hội, là tương tác biện chứng giữa các mặt kinh tế - chính trị - văn hoá với mặt xã hội trong quá trình phát triển. Dưới đây sẽ trình bày biến đổi xã hội ở Việt Nam trên một số vấn đề xã hội, hiện tượng xã hội cụ thể, điển hình, có ý nghĩa phổ biến.

3. Biến đổi xã hội ở Việt Nam qua hơn 20 năm Đổi mới - hiện trạng và chính sách

3.1. Sự hình thành nhận thức mới về lĩnh vực xã hội và chính sách xã hội trong quản lý

Khi đi vào đổi mới, áp dụng cơ chế thị trường và từng bước phát triển nền kinh tế thị trường, tư duy lãnh đạo và quản lý về lĩnh vực xã hội, về vai trò và tầm quan trọng của chính sách xã hội trong quản lý đã có sự thay đổi về căn bản.

Bước tiến này trong nhận thức xã hội và phát triển xã hội được tạo ra *từ thực tiễn đổi mới kinh tế*. Trước Đổi mới (từ 1985 trở về trước), ở Việt Nam chỉ có kinh tế kế hoạch hoá tập trung với vai trò tuyệt đối của Nhà nước trong quản lý kinh tế mà thực chất là Nhà nước can thiệp sâu vào các hoạt động sản xuất, kinh tế, từ Trung ương tới địa phương, bằng phương thức mệnh lệnh hành chính. Đó là nền kinh tế hiện vật và bao cấp, đi liền với phương thức phân phối bình quân, không

thể hiện tính khách quan của quy luật giá trị, quy luật thị trường. Trên thực tế, Nhà nước độc quyền sản xuất - kinh doanh. Trong quan hệ sở hữu chỉ có sở hữu Nhà nước (đại diện cho sở hữu xã hội) và sở hữu tập thể. Không có kinh tế tư nhân, không có thị trường và càng không có cạnh tranh.

Cơ cấu kinh tế biểu hiện tập trung ở công nghiệp và nông nghiệp do Nhà nước chi phối. Mô hình kinh tế này cùng với phương thức phân phối bình quân chia đều đã không thể phát triển *trong điều kiện bình thường, nó thiếu hụt động lực nội tại để phát triển*. Sau chiến tranh, sự trì trệ, lạm phát và khủng hoảng đã xảy ra như một tất yếu. Đổi mới đã tìm thấy lối thoát cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng ở giữa thập kỷ 80. Với việc phát triển mạnh mẽ nền sản xuất hàng hoá và kinh tế hàng hoá, thừa nhận sự tồn tại lâu dài của nhiều thành phần kinh tế, chú trọng phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân, chú trọng lợi ích cá nhân của người lao động, xã hội đã nhanh chóng chuyển trạng thái từ trì trệ sang năng động. Khoán sản phẩm và khoán tới hộ gia đình nông dân ở nông thôn là một *đột phá quan trọng* của đổi mới kinh tế. Đòn bẩy lợi ích kinh tế và sự thừa nhận lợi ích cá nhân là *cơ sở* để thực hiện lợi ích xã hội đã nhanh chóng tỏ rõ tác dụng tích cực, đóng vai trò là động lực của phát triển. Nhờ đó, kinh tế không biệt lập, tách rời khỏi xã hội, trái lại gắn liền với xã hội. Những quan niệm trù tuợng về xã hội được khắc phục nhường chỗ cho những quan tâm cụ thể, thiết thực về lợi ích thường nhật, nhu cầu thường nhật, hợp lý, chính đáng của con người với tư cách là chủ thể sản xuất - kinh doanh, vị trí, vị thế của cá nhân, cá thể được coi trọng, nhất là khi đi vào kinh tế thị trường.

Quan tâm tới các vấn đề xã hội trong phát triển kinh tế đã dẫn đến một bước tiến tiếp theo là *đặt đúng vị trí của các vấn đề xã hội* trong phát triển và thấy rõ sự cần thiết phải *đầu tư cho việc giải quyết các vấn đề xã hội, làm thay đổi quan niệm về chính sách xã hội*. Đây là đầu tư cho phát triển kinh tế, vì mục đích *trực tiếp* phát triển kinh tế và mục đích *sâu xa* là phát triển con người - nguồn lực quan trọng và quyết định nhất của phát triển xã hội. Đầu tư cho các vấn đề xã hội để giải quyết việc làm, nâng cao mức sống dân cư, phát triển giáo dục, y tế, các dịch vụ xã hội và phúc lợi công cộng... chính là đầu tư theo chiều sâu, đầu tư cho phát triển. Nó không còn là một thứ "phụ gia" đi kèm theo kinh tế, coi như đầu tư cho không, không sinh lợi, chỉ đầu tư sau khi đã đầu tư cho kinh tế như quan niệm trước đây. Chính sách xã hội không thụ động đi sau chính sách kinh tế, trái lại, nó gắn liền với kinh tế, thúc đẩy kinh tế trong khi vẫn chịu sự chi phối từ tiềm lực vật chất của kinh tế. Với đổi mới và kinh tế thị trường, chính sách kinh tế và chính sách xã hội gắn liền với nhau trong một thể thống nhất, tạo ra sự thống nhất kinh tế - xã hội với xã hội - kinh tế vì mục tiêu phát triển con người và xã hội, cá nhân và cộng đồng.

Biến đổi xã hội này có tầm quan trọng chiến lược, bởi nó làm thay đổi nhận thức từ chủ thể lãnh đạo, quản lý, có thẩm quyền ra các quyết sách, đường lối và chính sách. Chú trọng tới lợi ích và nhu cầu trong đời sống của con người là chú

trọng tới nhân tố quan trọng hàng đầu của lực lượng sản xuất và của phát triển xã hội nói chung. Biến đổi xã hội này còn có ý nghĩa sâu xa và to lớn hơn nữa ở chỗ, mọi chính sách phải hướng tới phục vụ lợi ích và phát triển các tiềm năng sáng tạo của con người, coi con người là mục tiêu và động lực của đổi mới và phát triển, do đó con người trở thành tiêu điểm của mọi chính sách. Đây là *định hướng nhân văn của phát triển xã hội*.

3.2. Biến đổi cơ cấu kinh tế trong nền kinh tế thị trường dẫn đến biến đổi cơ cấu xã hội

Biến đổi cơ cấu xã hội là một trong những biến đổi xã hội điển hình nhất ở Việt Nam trong đổi mới.

Đi vào kinh tế thị trường và áp dụng cơ chế thị trường trong quản lý kinh tế đã tạo ra sự thay đổi căn bản không chỉ mô hình phát triển kinh tế và quản lý kinh tế mà còn tạo ra cái giá đỡ vật chất cho những biến đổi xã hội, trong đó có biến đổi cơ cấu xã hội. Do phát triển sản xuất hàng hoá và kinh tế hàng hoá nên hoạt động sản xuất - kinh doanh, hoạt động kinh tế tất yếu phải tuân theo quy luật giá trị, quy luật cung - cầu, quy luật thị trường. Đây là phương thức cần thiết và là động lực mạnh mẽ để phát triển lực lượng sản xuất, *giải phóng sức sản xuất, đẩy mạnh phân công lao động*, vị thế và vai trò của người lao động, các chủ hộ lao động, của doanh nghiệp và doanh nhân được khẳng định. Với tư cách chủ thể, họ có quyền chủ động trong sản xuất - kinh doanh, quyền đó đi liền với quyền tự chịu trách nhiệm trước kết quả sản xuất và hiệu quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước pháp luật. Nhà nước trong nền kinh tế thị trường chỉ thực hiện quyền quản lý hành chính trong kinh tế, theo luật pháp hiện hành, không can thiệp tùy tiện vào hoạt động sản xuất kinh doanh vốn là thẩm quyền của người lao động (cá thể, tư nhân), của các doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp (doanh nhân). Vai trò của Nhà nước là tạo ra khung luật pháp như một hành lang pháp lý và sử dụng kế hoạch ở tầm vĩ mô để điều tiết, cùng với những điều tiết bằng luật pháp, chính sách, cơ chế và các chế tài. Với kinh tế thị trường, nền kinh tế quốc dân là một chỉnh thể thống nhất các thành phần kinh tế, các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật, đa dạng hoá các hình thức sở hữu (nhà nước, tập thể, tư nhân) dẫn đến đa dạng hoá các hình thức tổ chức sản xuất - kinh doanh, đa dạng hoá các hình thức phân phối. Mọi công dân có quyền làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm, trong khi công chức chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép. Đây là dấu hiệu căn bản của dân chủ hoá kinh tế, tạo ra cơ sở xã hội - pháp lý để phát triển kinh tế thị trường. Tập trung quan liêu bao cấp được xoá bỏ, thay thế bằng cơ chế thị trường, thừa nhận cạnh tranh, phân hoá và sự phát triển vượt trội của những người có lợi thế so sánh về năng lực, trình độ, nguồn vốn, cơ hội làm ăn. Do đó, Nhà nước khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng theo luật pháp. Chính sách của Nhà nước bao quát nhiều đối tượng, có chú ý thích đáng sự quan tâm của Nhà nước và cộng đồng tới các đối

tượng yếu thế, thua thiệt trong phát triển, bằng các biện pháp điều tiết lợi ích, các chính sách thuế, kể cả thuế thu nhập từ bộ phận có thu nhập cao. Các thể chế pháp lý đảm bảo cho sự phát triển kinh tế định hướng vào phát triển một xã hội có tăng trưởng cao đi liền với công bằng xã hội: Luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật thuế và nhiều luật khác.

Cơ cấu kinh tế cũng thay đổi mà Việt Nam gọi là "chuyển dịch". Trong cơ cấu đó, nông nghiệp giảm đáng kể tỷ trọng, công nghiệp hướng nhiều vào các ngành công nghiệp hiện đại, công nghệ cao, lao động trí óc, chất xám gia tăng tỷ lệ, hàm lượng của nó trong các sản phẩm, hàng hoá sản xuất ra. Thương mại, dịch vụ ngày càng được chú trọng. Đã diễn ra sự biến đổi cơ cấu tổng thể nền kinh tế và cơ cấu trong nội bộ một ngành kinh tế, cơ cấu vùng, miền, địa phương, phù hợp với khả năng, thế mạnh từng nơi, từng loại hình đồng thời chú trọng đến cả tiềm lực của sản xuất - kinh doanh ở nước ngoài do những cá nhân và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài thực hiện. Cơ cấu lao động, bố trí nguồn lực lao động cũng thay đổi trên cơ sở phân công lao động xã hội mới.

Vậy cơ cấu kinh tế như đã nêu trên có ảnh hưởng như thế nào tới những biến đổi cơ cấu xã hội? Thử so sánh biến đổi cơ cấu *trước* đổi mới và *trong* đổi mới hơn 20 năm qua để thấy rõ những biến đổi quan trọng này. Đó không chỉ là biến đổi nhận thức mà còn là biến đổi thực tế.

Một cơ cấu kinh tế đơn giản, mang nặng ảnh hưởng giáo điều về sở hữu, về một chế độ sở hữu công hữu thuần khiết, một quan hệ sản xuất mới (xã hội chủ nghĩa) tưởng như đã hoàn toàn trưởng thành trong khi lực lượng sản xuất còn rất lạc hậu, chậm phát triển thì đương nhiên, cơ cấu xã hội đã hình thành theo một lược đồ duy ý chí, chủ quan, không phải ánh đúng thực tế. Đó là cơ cấu chỉ giản lược vào cơ cấu giai cấp, xã hội - giai cấp, chỉ với sự hiện diện của hai giai cấp, một tầng lớp là: công nhân - nông dân - trí thức.

Giản lược trong cơ cấu xã hội dẫn đến hệ quả tiêu cực là trong chính sách xã hội đã *không tính đủ* các thành phần, giai tầng xã hội. Một cơ cấu xã hội hiện thực vốn phong phú, đa dạng đã bị khuôn vào một khung cơ cấu cứng nhắc, tĩnh mà không động, một hệ chính sách giản đơn và có phần tách biệt đã dẫn tới một xã hội trì trệ, thụ động, không có sức sống bởi cạnh tranh và hợp tác. Không tính đủ các thành phần, các chủ thể trong cơ cấu sẽ dẫn tới sự thiếu hụt trong chính sách thụ hưởng lợi ích và thực hiện nghĩa vụ xã hội, đối với con người, những người lao động, sản xuất kinh doanh và quản lý và những đối tượng xã hội khác, do đó làm hạn chế động lực phát triển, nảy sinh nhiều tiêu cực trong quản lý xã hội, trong các mối quan hệ giữa người và người.

Khắc phục tình trạng này, cơ cấu xã hội trong nền kinh tế thị trường, trong đổi mới và hội nhập đã mang một diện mạo khác. Ngoài cơ cấu xã hội - giai cấp

như một bộ phận cốt yếu còn có cơ cấu xã hội - dân tộc, cơ cấu xã hội - tôn giáo, cơ cấu xã hội - lao động - nghề nghiệp, cơ cấu xã hội - nhân khẩu, nói tóm lại, phải nhìn cơ cấu xã hội như một hệ thống đa dạng hợp thành bởi các nhóm xã hội *lớn* và *nhỏ*, nhất là theo nghề nghiệp, ngoài ra còn có cơ cấu giới, thực hiện bình đẳng giới, cơ cấu nhóm tuổi, cơ cấu thế hệ...

Đặc biệt là trong cơ cấu xã hội đã diễn ra sự biến đổi trong nội bộ cơ cấu: giai cấp, tầng lớp, giai tầng, phân tầng xã hội. Hiện nay, cơ cấu xã hội ở Việt Nam là một tập hợp bao gồm các nhóm xã hội chính sau đây: 1) công nhân; 2) nông dân; 3) trí thức; 4) doanh nhân; 5) thanh niên; 6) phụ nữ; 7) quân đội; 8) người cao tuổi; 9) người về hưu; 10) tôn giáo; 11) dân tộc (các tộc người thiểu số); 12) công chức, viên chức; 13) người Việt Nam ở nước ngoài... Đáng lưu ý là biến đổi cơ cấu xã hội ở Việt Nam cho thấy tính phong phú đa dạng của sự kết hợp giữa lao động - nghề nghiệp, giới tính, lứa tuổi, thế hệ, dân tộc, tôn giáo, trong nước và ngoài nước. Trong nền kinh tế thị trường, sự hình thành tầng lớp (hay đội ngũ) doanh nhân là một tất yếu tự nhiên và là một xu hướng tích cực đối với phát triển. Tầng lớp này có vị trí và vị thế quan trọng cả về kinh tế và xã hội, nhất là trong hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã khách quan hoá vai trò quan trọng vốn có của công nhân và trí thức, nhất là trong xu hướng tiến tới kinh tế tri thức, xã hội thông tin và nền kinh tế dựa trên công nghệ cao trong thế giới toàn cầu hoá. Hướng tới một nhà nước pháp quyền càng phải chú trọng tới thành phần công chức chuyên nghiệp, hiện đại, đề cao đạo đức công chức và kỷ luật công vụ trong quan hệ với dân.

Để tăng cường đại đoàn kết dân tộc, hoà hợp và đồng thuận xã hội phải đặc biệt quan tâm tới dân tộc, đa dân tộc, tôn giáo, đa tôn giáo trong cơ cấu xã hội, chú trọng tới chính sách xoá đói giảm nghèo, chăm lo cho những đối tượng dân cư bị thua thiệt trong phát triển ở nông thôn, miền núi và những vùng đặc biệt khó khăn.

Nhận thức mới về dân tộc đòi hỏi phải tính tới cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với số lượng đông đảo hơn 3 triệu người, có mặt ở nhiều nước, trong đó có không ít những tài năng khoa học, nghệ thuật, quản lý và quản trị doanh nghiệp, những người có trình độ cao, có tiềm lực mạnh, lại có tinh thần dân tộc, muốn đầu tư vào trong nước, đóng góp vào công cuộc phát triển kinh tế và chấn hưng dân tộc.

Các tầng lớp, các nhóm xã hội đó, trong hoạt động kinh tế, hoạt động xã hội và tham gia vào đời sống chính trị (tham chính) lại thường đan xen và giao thoa lẫn nhau, nhất là giới - lứa tuổi - thế hệ. Do đặc thù của Việt Nam trải qua liên tiếp các cuộc chiến tranh kéo dài, hậu quả xã hội của chiến tranh rất nặng nề nên đối tượng cựu chiến binh, các nạn nhân chiến tranh, những người có công với nước phải được Nhà nước và cộng đồng xã hội đặc biệt quan tâm.

Nhìn cơ cấu xã hội theo lát cắt thế hệ, không nên quên rằng, thế hệ sinh ra sau giải phóng miền Nam (1975) và thế hệ sinh ra trong đổi mới (1986) có những biến đổi đặc thù rất quan trọng. Họ đang là lực lượng nòng cốt trong cơ cấu lao động, trong cơ cấu dân số - dân cư, chiếm một tỷ lệ lớn làm cho Việt Nam là một dân tộc trẻ. Họ lại sinh ra và lớn lên trong đổi mới, mở cửa, hội nhập, thích ứng nhanh với kinh tế thị trường, công nghệ thông tin, tư duy năng động, sáng tạo, là đại diện cho xu hướng đổi mới, hiện đại hoá xã hội.

Cũng đáng lưu ý là trong cơ cấu xã hội đang biến đổi này, lực lượng cơ bản là công nhân, nông dân, trí thức. Các nhóm xã hội này đang thay đổi. Với 87 triệu dân (kể cả ở nước ngoài), công nhân nước ta hiện có khoảng 9 - 10 triệu người, trong đó bộ phận công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước không nhiều nhưng là nòng cốt. Công nhân làm việc trong khu vực kinh tế tư nhân, nhất là trong các doanh nghiệp 100% vốn đầu tư là nước ngoài đang đứng trước rất nhiều tình huống: lao động với cường độ cao, điều kiện sống rất khó khăn, nhất là nhà ở, đời sống văn hoá tinh thần thấp kém, việc bảo vệ quyền và lợi ích cho họ không được quan tâm đúng mức, kịp thời, tình trạng đình công, bãi công đang tăng lên ở các khu công nghiệp, quan hệ chủ - thợ đang có những tranh chấp, mâu thuẫn, xung đột đòi hỏi phải giải quyết. Đó là chưa nói tới trình độ hạn chế của công nhân và lao động về học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng nguồn nhân lực không đảm bảo là một trở ngại lớn trong cạnh tranh và phát triển.

Nước ta đang còn là một nước nông nghiệp, nông dân chiếm đa số tới 60 triệu người, trên 12 triệu hộ gia đình. 70% dân số và 60% lao động đang ở trên địa bàn nông thôn, trong lao động nông nghiệp. Đây là đối tượng chịu nhiều thiệt thòi nhất trong những năm đổi mới và phát triển kinh tế thị trường. Đói nghèo, phân hoá giàu - nghèo diễn ra chủ yếu ở nông thôn, đối với nông dân. Một bộ phận trong số họ đã mất đất sản xuất, do phát triển công nghiệp và đô thị hoá. Nơi tái định cư không ổn định, nghề nghiệp mới (sau khi mất đất) chưa có, chưa qua đào tạo. Đây là đối tượng dễ rơi vào tái nghèo khổ hoặc đói nghèo. Nhiều nghịch lý xuất hiện ở nông thôn: nông dân cả đời gắn với ruộng đất nay mất đất và cũng không còn thiết tha với nghề nông, họ trả lại ruộng khoán vì không có lợi ích đảm bảo trong nghề nông, thuần nông, di cư ra đô thị tìm kiếm mọi việc làm để mưu sinh. Thiên tai, dịch bệnh làm cho nhiều hộ nông dân phá sản, không có khả năng thanh toán các khoản vay ngân hàng. Được mùa nhưng mất giá, sản phẩm không tiêu thụ được, giá bán không đủ bù đắp chi phí sản xuất, nông dân làm ra lúa gạo và đưa nước ta vào vị trí một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới nhưng bản thân họ, trong một bộ phận vẫn đói nghèo, vẫn tái nghèo đói, không chỉ đói nghèo kinh tế mà còn đói nghèo thông tin và văn hoá. Con em họ và bản thân họ khó có điều kiện tiếp cận dịch vụ giáo dục, y tế, văn hoá.

Đội ngũ trí thức, công chức gần đây đang xuất hiện tình huống bỏ việc ở cơ quan nhà nước và đi tìm kiếm việc làm ở khu vực tư nhân. Họ không tìm thấy những đảm bảo cho cuộc sống và triển vọng phát triển trong khu vực công. Đó là tình huống có vấn đề từ chính sách, cơ chế. Bản thân đội ngũ trí thức với cơ cấu về trình độ, chuyên môn, nghề nghiệp... cũng đang phân hoá ngày càng gay gắt vì sự hấp hút giữa các thể hệ khoa học, thiếu nghiêm trọng đội ngũ chuyên gia, khoa học chậm phát triển, giáo dục đang suy thoái về chất lượng, nhất là chịu tác động tiêu cực của thương mại hoá. Ngoài những điều nói trên, trong biến đổi cơ cấu xã hội còn có hiện tượng *phân tầng xã hội*, diễn ra trong chính thể hệ thống cơ cấu mà cũng diễn ra trong từng bộ phận, từng tiểu hệ thống. Nó bắt nguồn từ mức chênh lệch trong tiền lương, thu nhập, từ phân hoá giàu - nghèo. Trong xã hội, từ cơ cấu đã mô tả ở trên, đã hình thành những nhóm *giàu có, rất giàu* (tỷ phú, triệu phú), nhóm *trung lưu khá giả, nhóm nghèo* và *nhóm đói nghèo*. Đó là tiếp cận cơ cấu từ thu nhập, mức sống và phân hoá giàu - nghèo. Đáng lưu ý là, hiện tượng phân tầng xã hội ở Việt Nam có tính hai mặt: hợp lý và bất minh, tích cực và tiêu cực. Đó là phân tầng hợp thức và phân tầng bất hợp thức⁽⁵⁾. Bên cạnh một bộ phận giàu lên nhờ tài trí, tháo vát, sáng tạo và lao động chân chính, hợp pháp đang xuất hiện ngày một nhiều những hiện tượng làm giàu bất chính, phi pháp, bòn rút của công, xâm phạm công quỹ, tham ô tham nhũng, lợi dụng chức quyền và các kẻ hờ trong quản lý vốn yếu kém của nhà nước để làm giàu, trục lợi. Nó dẫn tới tình trạng bất bình đẳng, bất công trong xã hội, dẫn tới tiêu cực, tệ nạn và tội phạm, gây bất ổn xã hội và bất an cho chế độ. Đó là những mặt trái của biến đổi xã hội, tiềm ẩn những phản phát triển.

3.3. *Biến đổi các thiết chế, thể chế xã hội và các quan hệ xã hội*

Thiết chế cổ truyền tồn tại từ hàng ngàn năm trong lịch sử xã hội Việt Nam truyền thống là Nhà - Làng - Nước. Mỗi quan hệ này đã định hình bền vững trong đời sống xã hội, đó là sự gắn bó, sự mở rộng và phát triển của cộng đồng xã hội từ điểm xuất phát, cái tế bào của xã hội là Nhà, mô hình vật thể của đời sống gia đình, tiến đến là cộng đồng Làng, đặc trưng cho đời sống xã hội nông thôn và mở rộng Nhà và Làng dẫn tới Nước, quốc gia - dân tộc Việt Nam.

Ở đây, ngoài tính chất và ý nghĩa xã hội, thiết chế truyền thống Nhà - Làng - Nước còn có nội dung lịch sử, tính chất lịch sử và chính trị. Tính liên kết cộng đồng và chủ nghĩa yêu nước, tinh thần khoan dung, bao dung văn hoá đã trở thành những giá trị văn hoá, nơi kết tinh và thể hiện bản sắc văn hoá Việt Nam, sức sống của truyền thống dân tộc, truyền thống văn hoá Việt Nam.

Bước vào thời kỳ Đổi mới, thiết chế xã hội này đã biến đổi, vừa bảo tồn và phát huy được các giá trị tốt đẹp, vừa có những thay đổi cho hợp với yêu cầu phát triển mới, trong đó có cả tác động của tiếp biến văn hoá do mở cửa, hội nhập quốc

tế, thông tin toàn cầu, các quá trình dân chủ hoá, công nghiệp hoá và đô thị hoá tác động và ảnh hưởng.

Trong kinh tế thị trường, gia đình Việt Nam vẫn tiếp tục chức năng kinh tế của nó, cả ở nông thôn và thành thị. Biến đổi các quan hệ và định hướng giá trị trong gia đình bắt nguồn từ những biến đổi kinh tế trong xã hội, tác động vào hoạt động kinh tế của gia đình, nhất là các gia đình sản xuất kinh doanh, làm thương mại, dịch vụ. Ở nông thôn, bắt đầu từ khoán mà gia đình cũng biến đổi với hiện tượng tách hộ, không ít nơi còn tái sinh cả hiện tượng tảo hôn để tăng thêm ruộng khoán. Tính đa dạng các thành phần kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh đã dẫn tới đa dạng các mô hình gia đình. Mô hình gia đình truyền thống nhiều thế hệ đã dường như bị giải thể, nhường chỗ cho gia đình hạt nhân, hai thế hệ trở nên phổ biến, ưu trội (vợ chồng, cha mẹ - con cái).

Với tác động của kinh tế thị trường, lợi nhuận được đề cao, kiếm tiền và làm giàu có sức lôi cuốn, cá nhân được khẳng định nhưng cũng phát triển thái quá chủ nghĩa cá nhân vụ lợi, vị kỷ nên đời sống gia đình biến đổi rất nhanh, có không ít sự biến động và đảo lộn. Gia tăng của sự phát triển sản xuất - kinh doanh, của tăng trưởng và sự giàu có cũng đồng thời là gia tăng những tình huống gia đình xung đột, tan vỡ, ly hôn, ly thân ở mức cao với tốc độ nhanh. Điều đó dẫn tới những gia đình không đầy đủ, tác động tiêu cực tới sự trưởng thành nhân cách, sự bình yên và hạnh phúc cuộc sống của trẻ em. Gần đây, xã hội đã phải cảnh báo về sự suy đồi đạo đức, nạn bạo hành đối với phụ nữ và trẻ em, đã xảy ra những trường hợp phi nhân và phi luân rất đáng lo ngại.

Cùng với kinh tế thị trường là xã hội công nghiệp, lối sống công nghiệp, tác động vào gia đình, tính hiện đại do bên ngoài thâm nhập vào tăng lên nhưng cũng làm suy giảm các nét đẹp của truyền thống, các chuẩn mực giá trị của truyền thống.

Sự ràng buộc, cố kết các thành viên trong gia đình trở nên lỏng lẻo hơn. Thời gian sum họp gia đình trong một ngày giữa vợ và chồng, giữa bố mẹ với con cái ngày càng ít đi. Cuộc sống gia đình như là một tiểu môi trường văn hoá, nhất là văn hoá tinh thần, đạo đức, nơi trau dồi đạo đức, lối sống, hình thành nhân cách đang có khuynh hướng bị những cuốn hút kinh tế làm cho suy giảm. Trong gia đình, rộng ra là trong xã hội, những khác biệt thế hệ, nhất là về tư duy, lối sống, lựa chọn giá trị có xu hướng tăng lên và gay gắt. Nó có thể trở thành những mâu thuẫn, xung đột thế hệ. Vì thế, để chấn hưng đạo đức, tinh thần, lối sống, gây dựng văn hoá, cần thiết phải xây dựng và thực hiện chiến lược gia đình, văn hoá gia đình, làm tiền đề cho chấn hưng, phát triển dân tộc. Tự nó, điều đó đã nâng cao vai trò, vị trí của phụ nữ, của người mẹ.

Làng thời cổ truyền đã bị mai một, thậm chí bị "đánh mất" trong thời kỳ tập thể hoá nông nghiệp và có chiến tranh phá hoại. Nhờ có đổi mới, làng cổ truyền

còn gọi là *làng tiểu nông* được làm cho hồi sinh sống lại. Làng trở lại đúng với nghĩa là một thiết chế xã hội, một mô hình văn hoá truyền thống với tất cả nét đặc sắc của văn hoá làng, cái gốc rễ, căn bản của văn hoá dân tộc với sức sống, sức sáng tạo của dân gian. Đi liền với sự tái lập làng tiểu nông là quá trình biến đổi làng xã nông thôn, điển hình là đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng sông Hồng dưới tác động của kinh tế hàng hoá, dân chủ hoá, công nghiệp hoá, đô thị hoá. Có sự phục hồi lại lễ hội văn hoá và hương ước (ở miền núi là luật tục) đan xen cả mặt tốt và xấu, hay và dở. Trong không gian xã hội - văn hoá này, "tính lưỡng diện văn hoá" của người Việt Nam⁽⁶⁾ - tư duy và lối sống, ứng xử và hành xử bộc lộ rất đậm nét và nó cũng đang diễn ra sự biến đổi, vừa có sự *mất đi* vừa có sự *thêm vào* những yếu tố, sắc thái văn hoá rất phức tạp, cần được nghiên cứu cặn kẽ.

Nước trong tư duy truyền thống là mô hình làng mở rộng. Đó là Tổ quốc, đất nước, là quốc gia, dân tộc - đa tộc người cùng chung một dòng tiến hoá, thăng trầm lịch sử.

Ngày nay, với đầu óc thực tế, quan điểm thực tiễn, Nước không chỉ là quốc gia - dân tộc, là đất nước, là Tổ quốc thiêng liêng mà còn là một phức hợp rộng lớn của không gian kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội. Đó là địa bàn và thị trường rộng lớn nhất để sản xuất kinh doanh và giao lưu, tiếp xúc văn hoá. Đó cũng là thị trường làm ăn của các đối tác đến với Việt Nam, là tiếp xúc văn hoá đi liền với cạnh tranh kinh tế, nơi có thể diễn ra những thâm thấu của diễn biến hoà bình, gây mất ổn định, rối loạn, khủng hoảng, suy thoái.

Nước gắn liền với dân và dân tộc và trong xã hội hiện đại ngày nay, ý thức dân tộc, niềm tự hào dân tộc, khát vọng phát triển dân tộc tới văn minh và hiện đại ngày một lớn lên.

Đất nước trong đổi mới đã mở rộng, mời đón hợp tác và cạnh tranh chứ không đóng kín, không biến mình thành một ốc đảo biệt lập ngăn cản phát triển. Sự khác nhau về ý thức hệ không cản trở Việt Nam và bạn bè của Việt Nam đến với nhau.

Cùng với sự đổi thay nhanh chóng về kinh tế, xây dựng hạ tầng cơ sở theo hướng hiện đại văn minh, sự tiếp thu các giá trị văn hoá bên ngoài, trên lĩnh vực xã hội, Nước cũng đang đứng trước không ít những tình huống phức tạp. Một trong những điều đáng lo ngại là hiểm hoạ môi trường sinh thái, nguy cơ đe dọa an toàn xã hội của những thế lực mafia, xã hội đen, kinh tế ngầm liên kết với chính trị thoái hoá. Biến đổi xã hội chỉ diễn ra lành mạnh khi cùng với xung lực phát triển của kinh tế thị trường phải hết sức chú trọng các đảm bảo xã hội, các giá trị văn hoá, những định hướng nhân văn của phát triển. Đó là chú trọng *nền tảng đạo đức* và *sức mạnh luật pháp* cùng với ra sức gây dựng chiều hướng phát triển lành mạnh của dân chủ.

Kinh tế thị trường - Nhà nước pháp quyền - xã hội dân sự, đó là một tổ hợp đảm bảo cho dân chủ, cho sự lành mạnh của những biến đổi xã hội.

Các quan hệ giữa cá nhân - tập thể và xã hội cũng chỉ có thể lành mạnh nếu chú trọng những kích thích không chỉ thuần kinh tế hay chính trị mà còn là đạo đức, văn hoá, luật pháp. Tôn trọng cá nhân và nhân cách, tôn trọng luật pháp theo các chuẩn mực *trọng dân, trọng pháp*, đó là đảm bảo thuận chiều cho sự khẳng định vai trò cá nhân, sự hài hoà cá nhân xã hội, tránh rơi vào chủ nghĩa cá nhân vị kỷ, vụ lợi, cực đoan, chủ nghĩa phường hội, cực bộ - những biến dạng phản văn hoá, phản dân chủ.

3.4. Biến đổi nhu cầu và lối sống

Đổi mới, nhất là đổi mới kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế đã làm cho Việt Nam vượt ra khỏi khủng hoảng, bước vào giai đoạn "cất cánh" để phát triển. Việt Nam đang nỗ lực khắc phục lạm phát do khủng hoảng tài chính quốc tế dội vào, đang gia tăng sự ổn định tích cực và lấy lại đà tăng trưởng tốc độ cao trước đây. Việt Nam cũng đang quyết tâm sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển.

Sự tăng trưởng và phát triển kinh tế đã giúp cho Việt Nam xoá đói giảm nghèo thành công, đang ra sức khắc phục tái nghèo khổ, hướng tới tăng giàu, trung lưu hoá mức sống dân cư xã hội.

So với thời trước Đổi mới mà bình quân có nghĩa là chia đều sự nghèo khổ, những năm qua, người dân thuộc nhiều đối tượng khác nhau đã có *sự tăng tiến rõ rệt về nhu cầu, do đó cũng có những biến đổi mạnh mẽ về lối sống*. Đó là sự biến đổi xã hội quan trọng, với những biểu hiện sau:

- Từ nhu cầu vật chất hướng sang nhu cầu tinh thần, văn hoá tinh thần.
- Từ mặt lượng của nhu cầu hướng tới nâng cao chất lượng nhu cầu, cả nhu cầu cho tồn tại và nhu cầu cho phát triển sáng tạo.
- Biến đổi nhu cầu diễn ra mạnh mẽ và ưu trội ở lớp trẻ, từ nhu cầu dân chủ và tự do, khẳng định cá tính, nhân cách đến nhu cầu thông tin, giao tiếp, thụ hưởng văn hoá với xu hướng hướng ngoại, bị lôi cuốn bởi một, thị hiếu, giá trị mới.
- Nhu cầu phát triển các thuộc tính của nguồn nhân lực: thể lực, tâm lực, trí lực.
- Cũng có sự khác biệt, thậm chí là khác biệt lớn về nhu cầu giữa các thế hệ, do đó nảy sinh cả những mâu thuẫn, xung đột về nhu cầu.
- Có sự chênh lệch khá lớn giữa nhu cầu của cộng đồng dân cư các vùng miền, rõ nhất là nhu cầu trong các gia đình khá giả, giàu có ở đô thị với nhu cầu trong các gia đình nghèo khổ ở nông thôn, miền núi.

Những lệch lạc trong thể hiện và thực hiện nhu cầu thường bắt đầu từ sự lệch lạc trong lựa chọn định hướng giá trị sống, sự yếu kém, phát triển chậm trong giáo dục nhu cầu, giáo dục giá trị đối với lớp trẻ, từ gia đình, nhà trường đến xã hội.

Biến đổi lối sống của con người Việt Nam có thể coi là tổng hợp những biến đổi xã hội dưới tác động của đổi mới, của hội nhập.

Bên cạnh những nhân tố lành mạnh, tích cực trong lối sống với các đức tính cần cù, trung thực, khiêm tốn, giản dị, vị tha, nhân ái cũng đang xuất hiện những lệch lạc trong lối sống: hưởng thụ, thực dụng, tôn thờ vật chất, tiền của, khoái lạc, sự phát triển chủ nghĩa cá nhân cực đoan, thờ ơ với xã hội, lãnh cảm xã hội ở một bộ phận dân cư, trong đó có lớp trẻ, sự suy đồi đạo đức, gây phản cảm từ những người lớn với con em họ, thói cơ hội, tùy thời, thói đạo đức giả của những quan chức và công chức thoái hoá trong bộ máy công quyền.

Đó là những mặt trái, gây cản trở đối với giáo dục đạo đức, lối sống cho lớp trẻ.

*

* *

Trên đây là một số biến đổi xã hội có tính điển hình và phổ biến ở Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập.

Biến đổi xã hội là phản ánh những biến đổi kinh tế, chính trị và văn hoá. Những biến đổi trong các lĩnh vực này không phải là tương dung mà trong không ít trường hợp lại mâu thuẫn với nhau. Rõ nhất là kinh tế tăng trưởng và có những biến đổi tích cực nhưng không tự động, dẫn tới những biến đổi xã hội tương ứng như đã nêu trên.

Chính điều ấy cho thấy, lĩnh vực xã hội là hết sức phức tạp, bởi nó gắn liền với đời sống con người, các quan hệ xã hội của con người. Cũng chính vì thế, cần phải chú trọng quản lý phát triển xã hội bằng một hệ giải pháp đồng bộ từ giáo dục nhận thức, hoàn thiện thể chế và chính sách, đảm bảo môi trường lành mạnh, tạo ra một không gian văn hoá - đạo đức - pháp lý cho sự lành mạnh của biến đổi xã hội.

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Thomas L. Friedman, *Thế giới phẳng*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.

Manrice Corn Forth, *Triết học mở và xã hội mở*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2002.

⁽²⁾ Hoàng Chí Bảo, *Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trong tiến trình đổi mới*, Lý luận chính trị, tháng 10/2008, tr.26.

⁽³⁾ Tlđđ, tr.27-28.

⁽⁴⁾ Phạm Xuân Nam, *Xã hội, phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội*, Lý luận chính trị, tháng 9/2008, tr.30-31.

⁽⁵⁾ Nguyễn Đình Tấn, “Một số vấn đề về phân tầng xã hội hợp thức ở Việt Nam hiện nay”, *Thông tin Khoa học xã hội*, 7/2008, tr.10-17.

⁽⁶⁾ Phạm Xuân Nam, *Văn hoá vì phát triển*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.